

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH
VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Số: 18 /CV-DVVTSG
V/v giải trình ý kiến của kiểm toán
toán ngoại trừ trên BCTC năm 2020.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Việt Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (0283) 38726221

Fax: (0283) 8725190

Website: www.tranaco.com.vn

Mã chứng khoán: STS

Trước tiên Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn (STS) xin gửi lời chào trân trọng đến Quý cơ quan và chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn (STS) xin giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán như sau:

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán là:

Ý kiến ngoại trừ năm 2019 đã được xem xét đến ý kiến kiểm toán năm 2020.

Năm 2017 Công ty đã tiến hành tất toán nợ gốc vay 200.000 USD với Công ty Yuan Cheng Holdings Pte.Ltd như ý kiến của báo cáo kiểm toán năm 2019 đã nêu. Tuy nhiên việc thanh toán mới thực hiện trả phần gốc khoản vay, các khoản phát sinh lãi tiền vay liên quan đang trong quá trình xem xét thông qua Tòa Án, việc Công ty trích vào chi phí từ các năm trước khoản lãi vay phải trả là theo ước tính, nếu xảy ra phải trả thì Công ty sẽ không xảy ra phát sinh đột biến về chi phí và Công ty đã có nguồn sẵn sàng chi trả. Mặt khác, nếu kết luận của Tòa Án mà Công ty không phải trả thì khoản này sẽ được hạch toán lại vào thu nhập và thực hiện về thuế theo quy định của pháp luật, số dư khoản tiền lãi trích trước là: 1.888.266.000 đồng đến ngày 31/12/2020 đang hạch toán và theo dõi trên TK 335 "chi phí trích trước". Đối với khoản tiền 1.760.966.690 đồng là tiền tạm ứng án phí cho Tòa Án theo thông báo của Tòa Án, khoản này đang theo dõi và hạch toán trên TK 1388 "phải thu khác" và chờ kết quả giải quyết của cơ quan Tòa Án. Như vậy trên báo cáo kiểm toán năm 2020 không thực hiện nêu lại ý kiến ngoại trừ.

Đối với ý kiến về số dư khoản tiền Công ty cho các đối tượng là các bên liên quan vay, trong năm 2020 Công ty đã thực hiện đáo hạn và thu hồi toàn bộ số tiền 34 tỷ đồng, đến ngày 31/12/2020 đã thu lại toàn bộ. Số tiền trên đang được Công ty sử dụng và theo dõi



trên tài khoản của Công ty. Nội dung ý kiến ngoại trừ của báo cáo kiểm toán năm 2020 cũng không nêu lại ý kiến ngoại trừ khoản mục này.

Ngày 24 tháng 07 năm 2020, Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn đã làm công văn số: 56/CV-DVVTSG gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Về việc xác nhận Công Ty Liên Hợp Xây Dựng Vạn Cường đã trả khoản vay 34.000.000.000 đồng (ba mươi bốn tỷ đồng) tiền gốc và 4.271.667.123 đồng (Bốn tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi ba đồng) tiền lãi, có kèm theo chứng từ ngân hàng.

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Vận Tải Sài Gòn kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng kính chào.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT;
- Lưu Văn thư.





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)



29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Báo cáo tài chính năm 2020 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31/12/2020.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103003977 cấp ngày 27/10/2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 10/08/2020 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tiền thân của Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 3257/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2004 của Bộ Giao thông vận tải.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM, thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 30/03/2010 với mã chứng khoán STS.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **27.682.210.000 VND**

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2020: **27.682.210.000 VND**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh: Vận tải đa phương thức quốc tế. Vận tải hàng hóa thông thường, hàng siêu trường, siêu trọng, vận tải hàng hóa bằng container, hàng hóa quá cảnh cho Lào, Campuchia và các nước trong khu vực. Vận tải đường thủy. Vận tải đường bộ, đường ống. Dịch vụ vận tải giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Kinh doanh khai thác cảng biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; hoạt động kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ vệ sinh tàu biển. Đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển và dịch vụ môi giới hàng hải. Mua bán vật tư thiết bị ngành giao thông vận tải. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ cho vận tải. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu.

Quy mô của Công ty gồm:

Công ty có 1 văn phòng và 1 chi nhánh là: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn - Cảng Tân Thuận đông tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Bà : Phạm Thị Minh Hà - Chủ tịch HĐQT-Đại diện pháp luật-Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông: Nguyễn Thủy Nguyên - Chủ tịch HĐQT-Đại diện pháp luật-Miễn nhiệm ngày 27/06/2020
Ông: Nguyễn Nguyên Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị
Bà: Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty gồm:

Ông: Nguyễn Hồng Nguyên - Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà : Nguyễn Thị Thủy

Ban Kiểm soát

Bà : Nguyễn Thanh Vân - Trưởng ban kiểm soát - Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

Bà : Nguyễn Thị Huyền Trang- Trưởng ban kiểm soát – Bổ nhiệm ngày 27/06/2020

Ông: Nguyễn Nguyễn Hữu Linh – Thành viên

Ông: Hoàng Hùng – Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TÀI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2021

TM.BAN GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyễn



Số: 264./BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn được lập ngày 11 tháng 01 năm 2021, từ trang 7 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã tạm trích khoản chi phí do bị truy thu lại tiền thuê đất, thuê mặt nước tại khu vực văn phòng (2.344 mét vuông) và khu vực kinh doanh tại Cảng Tân Thuận Đông (33.275 mét vuông) giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2016 theo Thông báo tạm xác định của Chi Cục thuế Quận 7. Số tiền thuế trích theo thông báo đã được hạch toán vào chi phí từ các năm trước và số dư còn lại đang được treo lại trên số dư sổ kế toán đến ngày 31/12/2020 là 14,8 tỷ. Liên quan đến khoản tiền thuê đất này Cơ quan chức năng đang giải quyết hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty tại các lô đất nói trên, Chi Cục Thuế sẽ tiến hành điều chỉnh lại tiền thuê đất theo quy định 'nếu có' Công ty sẽ căn cứ để xác định mức độ điều chỉnh lại cho phù hợp theo đúng quy định hiện hành.

Trong tổng số nợ phải thu dài hạn của khách hàng. Trong đó chúng tôi không thể thu thập được các hồ sơ liên quan để xác định mức độ trích lập dự phòng tương ứng của các khoản nợ 8,3 tỷ đồng vào chi phí của đơn vị, các khoản phải thu này đang được ghi nhận theo giá trị ghi sổ (tại mã số 131, 132 và 136 trên Bảng Cân đối kế toán).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám Đốc**



LÊ ĐÌNH ÁI

Số Giấy CNDKHNKT 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

LÊ VĂN THẮNG

Số Giấy CNDKHNKT 0974-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.014.469.657	104.039.747.911
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	93.883.046.658	49.619.097.632
1 Tiền	111		66.883.046.658	22.619.097.632
2 Các khoản tương đương tiền	112		27.000.000.000	27.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	2.000.000.000	2.000.000.000
1 Chứng khoán kinh doanh	121			
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.953.493.090	51.365.185.932
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	47.882.221.326	47.488.497.618
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.649.791.827	1.413.617.902
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05		34.000.000.000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06a	4.168.469.937	7.128.660.412
7 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.07	(38.746.990.000)	(38.665.590.000)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	1.839.591.302	1.015.422.326
1 Hàng tồn kho	141		1.839.591.302	1.015.422.326
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		338.338.607	40.042.021
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	338.338.607	40.042.021
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5 Tài sản ngắn hạn khác	155			
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.926.441.507	18.918.395.280
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4 Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.06a	5.000.000	5.000.000
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		16.914.842.413	18.906.796.186
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	5.621.136.796	7.325.745.289
- Nguyên giá	222		84.173.633.980	84.131.633.980
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(78.552.497.184)	(76.805.888.691)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.293.705.617	11.581.050.897
- Nguyên giá	228		12.771.593.295	12.771.593.295
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.477.887.678)	(1.190.542.398)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.599.094	6.599.094
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.599.094	6.599.094
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251			
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3 Đầu tư góp vốn vào công ty khác	253			
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1 Chi phí trả trước dài hạn	261			
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4 Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		129.940.911.164	122.958.143.191

01720
CÔNG TY
CỔ PHẦN HỮU
HẠN
DỊCH VỤ
VẬN TẢI
KIỂM TOÁN
LIÊN NAM
PHỐ C

002
CÔNG
CỔ
HỮU
HẠN
SÀI
GÒN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		20.241.813.043	26.911.279.971
I.	Nợ ngắn hạn	310		20.001.813.043	26.671.279.971
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	219.157.842	136.973.153
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	126.950.359	184.486.191
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	V.15	15.070.551.446	20.956.105.294
4	Phải trả người lao động	314		1.512.848.741	2.528.849.459
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.936.238.405	2.734.199.666
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	136.066.250	130.666.208
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II.	Nợ dài hạn	330	V.14b	240.000.000	240.000.000
1	Phải trả người bán dài hạn	331			
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337		240.000.000	240.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9	Trái phiếu chuyển đổi	339			
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			



63
G T
PH
U VI
G
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.699.098.121	96.046.863.220
I. Vốn chủ sở hữu	410		109.699.098.121	96.046.863.220
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	27.682.210.000	27.682.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.682.210.000	27.682.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	3.739.082.602	3.739.082.602
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5 Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.16	(515.226.000)	(515.226.000)
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8 Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	8.254.374.660	8.254.374.660
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	70.538.656.859	56.886.421.958
- LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56.886.421.958	41.023.391.285
- LNST CPP kỳ này	421b		13.652.234.901	15.863.030.673
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2 Nguồn kinh phí	431			
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.940.911.164	122.958.143.191

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


Nguyễn Thị Long


Nguyễn Thị Châu




Nguyễn Hồng Nguyễn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	37.922.371.215	42.429.894.287
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.922.371.215	42.429.894.287
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	21.379.071.940	22.674.864.434
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.543.299.275	19.755.029.853
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.628.461.105	2.867.217.966
7	Chi phí tài chính	22			
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí bán hàng	25			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04	3.225.908.736	2.795.226.882
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.945.851.644	19.827.020.937
11	Thu nhập khác	31	VI.05	105.750.000	288.890.789
12	Chi phí khác	32	VI.06	116.325.000	256.103.660
13	Lợi nhuận khác	40		(10.575.000)	32.787.129
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.935.276.644	19.859.808.066
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.283.041.743	3.996.777.393
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.652.234.901	15.863.030.673
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	4.975	5.780
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

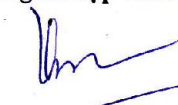
030501172
CÔNG T
TRÁCH NHIỆM HỮ
DỊCH VỤ TƯ
AI CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM TO
HÓA NAA
P.HỒ

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


Nguyễn Thị Long


Nguyễn Thị Châu



Nguyễn Hồng Nguyễn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	15.935.276.644	19.859.808.066
2	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.033.953.773	2.347.086.025
-	Các khoản dự phòng	03	81.400.000	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.628.461.105)	(2.867.217.966)
-	Chi phí lãi vay	06	-	-
-	Các khoản điều chỉnh khác	07	338.289.975	-
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	15.760.459.287	19.339.676.125
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.031.996.256	(446.606.666)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(824.168.976)	(558.418.592)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.390.798.646)	1.903.605.538
-	Thuế TNDN đã nộp	15	(3.900.000.000)	(3.854.145.523)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.677.487.921	16.384.110.882
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.000.000)	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	34.000.000.000	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.628.461.105	1.399.749.470
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.586.461.105	1.399.749.470
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	44.263.949.026	17.783.860.352
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	49.619.097.632	31.835.237.280
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	93.883.046.658	49.619.097.632

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám Đốc

(Signature)
Nguyễn Thị Ngọc

(Signature)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103003977 cấp ngày 27/10/2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 10/08/2020 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tiền thân của Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 3257/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2004 của Bộ Giao thông vận tải.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM, thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 30/03/2010 với mã chứng khoán STS.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh: Vận tải đa phương thức quốc tế. Vận tải hàng hóa thông thường, hàng siêu trường, siêu trọng, vận tải hàng hóa bằng container, hàng hóa quá cảnh cho Lào, Campuchia và các nước trong khu vực. Vận tải đường thủy. Vận tải đường bộ, đường ống. Dịch vụ vận tải giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Kinh doanh khai thác cảng biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; hoạt động kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ vệ sinh tàu biển. Đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển và dịch vụ môi giới hàng hải. Mua bán vật tư thiết bị ngành giao thông vận tải. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ cho vận tải. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2020.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 văn phòng và 1 chi nhánh là: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn - Cảng Tân Thuận đông tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đầu năm đã được kiểm tra, phân loại lại để phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư tài chính.

3- Nguyên tắc ghi nhận Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho



37
T. H. A. V. Q. H.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(đơn vị không phát sinh dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

5- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm

6- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:



Y
N
N
BT

tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

11- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19-21-23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

12- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

13. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

15- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

16- Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Viêt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.358.350.182	1.533.496.967
Tiền gửi ngân hàng	65.524.696.476	21.085.600.665
Tương đương tiền	27.000.000.000	27.000.000.000
Cộng	93.883.046.658	49.619.097.632

02- CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

03- CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Kim khí TP. HCM - VNSTEEL	24.703.360	-
Công ty CP MARUICHI SUN STEEL	88.574.860	1.100.880
TT Mạng lưới MOBIFONE Miền Nam- CN TCT Viễn thông MOBIFONE	3.309.339	3.523.091
Công ty TNHH TMDV&VT Vinh Kim Sơn	64.370.770	52.817.693
Công ty TNHH MTV Thăng Lộc	2.584.237	22.889.416
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới VT Biên Quôn tế	576.880.816	142.648.362
Công ty CP GEMADEPT	64.940.336	
Công ty CP LOGISTICS Tâm Anh	39.990.258	
Công ty CP ĐT&PT AN BÌNH	484.000.000	88.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Ánh Dương Sài Gòn	179.080.000	
Công ty Hợp danh DVVT Thủy Bộ	6.788.581.831	6.788.581.831
Công ty CP Vĩnh Sơn - Sông Hình	1.079.346.312	1.079.346.312
Công ty TNHH Giao nhận vận tải MINH THÀNH LONG	110.000.000	110.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	119.334.275	119.334.275
Công ty TNHH MTV Tháp UBI	22.600.000.000	22.600.000.000
Công ty CP Đầu tư hạ tầng Kinh doanh Đô thị	15.214.750.000	15.214.750.000
Công ty xây lắp điện 2 - đội 5	189.280.000	189.280.000
Công ty TNHH Thành Trang	200.000.000	200.000.000
Công ty xi măng Hệ Dưỡng	52.494.932	52.494.932
Công ty CP Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Sài Gòn		988.570
Công ty TNHH CP Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận		117.390.900
Công ty TNHH THORESEN - VINAMA		267.431.509
Các khách hàng khác		437.919.847
Cộng	47.882.221.326	47.488.497.618

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Viêt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

04- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP XD công trình giao thông 61	474.891.506	474.891.506
Công ty TNHH TM & DV TPP Lucky	77.000.000	77.000.000
Công ty CP giao nhận hàng hóa U&I	10.566.396	10.566.396
Công ty TK&XD Đô Thành	250.000.000	250.000.000
Công ty CP TV Thiết kế GTVT Phía Nam	211.560.000	211.560.000
Công ty TNHH MTV Thăng Lộc	9.773.925	15.600.000
Công ty CP Thương mại và tư vấn công nghệ cảng	616.000.000	352.000.000
Công ty Kiểm toán AASCS	-	22.000.000
Cộng	1.649.791.827	1.413.617.902

05- CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu cho vay các bên liên quan		34.000.000.000
Cộng	-	34.000.000.000

06- CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu khác ngắn hạn	4.168.469.937	-	7.128.660.412	-
- Tạm ứng cán bộ công nhân viên	1.027.075.437	-	599.055.541	-
- Dự thu lưu kho bãi	303.501.500	-	116.618.507	-
- Phải thu khác	2.837.893.000	-	6.412.986.364	-
+ Dự thu lãi tiền gửi	114.816.440	-	137.169.865	-
+ Phải thu lãi cho vay (Công ty Vạn Cường)	-	-	3.614.768.497	-
+ Tạm ứng phí tòa án vụ kiện Công ty Yuan Cherrng Holdings liên quan khoản nợ	1.760.966.690	-	1.760.966.690	-
+ Phí án dân sự TB 29/TB-TA	64.818.858	-	-	-
+ Tạm chi khen thưởng phúc lợi	830.830.942	-	830.830.942	-
+ Các khoản phải thu khác	66.460.070	-	69.250.370	-
b. Phải thu khác dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-

07- CÁC KHOẢN NỢ XẤU QUÁ HẠN ĐÃ LẬP DỰ PHÒNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Giao nhận vận tải MINH THÀNH LONG	110.000.000	(55.000.000)	110.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tháp UBI	22.600.000.000	(22.600.000.000)	22.600.000.000	(22.600.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

Công ty CP Đầu tư hạ tầng KD Đô thị	15.214.750.000	(15.214.750.000)	15.214.750.000	(15.214.750.000)
Công ty xây lắp điện 2 - đội 5	189.280.000	(189.280.000)	189.280.000	(189.280.000)
Công ty TNHH Thành Trang	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
Công ty CP đầu tư và phát triển An Bình	88.000.000	(26.400.000)	88.000.000	
Công ty TK&XD Đô Thành	250.000.000	(250.000.000)	250.000.000	(250.000.000)
Công ty CP TV Thiết kế GTVT Phía Nam	211.560.000	(211.560.000)	211.560.000	(211.560.000)

Cộng	38.863.590.000	(38.746.990.000)	38.863.590.000	(38.665.590.000)
-------------	-----------------------	-------------------------	-----------------------	-------------------------

08- HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	13.139.438	-	73.147.382	-
- Công cụ, dụng cụ	68.603.945	-	68.962.745	-
- Chi phí SXKD dở dang	1.757.847.919	-	873.312.199	-
Cộng	1.839.591.302	-	1.015.422.326	-



92
Y
N
N
N
C

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

09- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa - Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	38.536.991.285	1.308.109.800	44.286.532.895	84.131.633.980
2. Số tăng trong năm	-	42.000.000	-	42.000.000
- Mua sắm mới		42.000.000		42.000.000
- Tặng khác				-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý				-
- Giảm khác				-
4. Số dư cuối năm	38.536.991.285	1.350.109.800	44.286.532.895	84.173.633.980
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	38.294.527.613	1.026.799.723	37.484.561.355	76.805.888.691
2. Số tăng trong năm	221.522.673	-	1.525.085.820	1.746.608.493
- Khấu hao trong năm	221.522.673		1.525.085.820	1.746.608.493
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý				-
4. Số dư cuối năm	38.516.050.286	1.026.799.723	39.009.647.175	78.552.497.184
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
1. Tại ngày đầu năm	242.463.672	281.310.077	6.801.971.540	7.325.745.289
2. Tại ngày cuối năm	20.940.999	323.310.077	5.276.885.720	5.621.136.796



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Viết Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

10- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất tại Công ty	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình		
1. Số dư đầu năm	12.771.593.295	12.771.593.295
2. Số tăng trong năm	-	-
- Mua trong năm		
- Tặng khác		
3. Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		
4. Số dư cuối năm	12.771.593.295	12.771.593.295
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	1.190.542.398	1.190.542.398
2. Khấu hao trong năm	574.690.560	574.690.560
- Khấu hao trong năm tăng	287.345.280	287.345.280
3. Giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		
4. Số dư cuối năm	1.765.232.958	1.765.232.958
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
1. Tại ngày đầu năm	11.581.050.897	11.581.050.897
2. Tại ngày cuối năm	11.006.360.337	11.006.360.337



11- PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
CTY TNHH TM DV VẬN TẢI AN BẢO ANH	114.237.916	114.237.916	121.153.227	121.153.227
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU	8.969.926	8.969.926	8.969.926	8.969.926
CÔNG TY LƯU QUANG	6.850.000	6.850.000	6.850.000	6.850.000
CTY TNHH KHANG ĐẠT PHÚ MỸ	89.100.000	89.100.000		-
Cộng	219.157.842	219.157.842	136.973.153	136.973.153

12- NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Siemens	111.888.045	111.888.045
Phòng tập Yoga Hub	7.300.000	-
Khách hàng khác	7.762.314	72.598.146
Cộng	126.950.359	184.486.191

13- CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích chi phí lãi phải trả của khoản nợ Công ty Yuan Cherng Holdings Pte.Ltd	1.888.266.400	1.888.266.400
- Chi phí phải trả khác	1.047.972.005	845.933.266
Cộng	2.936.238.405	2.734.199.666

14- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	136.066.250	130.666.208
- KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	54.919.132	35.792.014
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	43.164.680	43.164.680
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.982.438	51.709.514
b. Dài hạn	240.000.000	240.000.000
- Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	240.000.000	240.000.000
Cộng	376.066.250	370.666.208

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

15- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	38.205.548		1.703.590.014	1.464.613.714	-	200.770.752
Thuế TNDN		1.278.668.282	2.283.041.743	3.900.000.000	338.289.975	-
Thuế TNCN (Khối văn phòng)	1.787.841		97.665.950	90.937.700	-	4.940.409
- <i>Phần Thuế TNCN Cảng Tân Thuận</i>	48.632				48.632	-
Thuế nhà đất		19.677.437.012	4.602.830.144	9.415.426.871	-	14.864.840.285
Thuế môn bài			5.000.000	5.000.000	-	-
Các khoản nộp khác			260.515.062	260.515.062	-	-
Cộng	40.042.021	20.956.105.294	8.692.127.851	14.875.978.285	338.338.607	15.070.551.446



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Viêt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

16- VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	8.254.374.660	41.023.391.285	80.183.832.547
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					15.863.030.673	15.863.030.673
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác						-
Số dư đầu năm nay	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	8.254.374.660	56.886.421.958	96.046.863.220
Tăng vốn trong năm nay						-
Lãi trong năm nay					13.652.234.901	13.652.234.901
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ trong năm nay						-
Chia cổ tức						-
Giảm khác						-
Số dư cuối năm nay	27.682.210.000	3.739.082.602	(515.226.000)	8.254.374.660	70.538.656.859	109.699.098.121



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Viết Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của tổ chức, cá nhân	27.682.210.000	27.682.210.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.682.210.000	27.682.210.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.682.210.000	27.682.210.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	27.682.210.000	27.682.210.000
- Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.768.221	2.768.221
+ Cổ phiếu phổ thông	2.768.221	2.768.221
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu mua lại	23.964	23.964
+ Cổ phiếu phổ thông	23.964	23.964
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.744.257	2.744.257
+ Cổ phiếu phổ thông	2.744.257	2.744.257
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).

e. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		-

Ghi chú: - Đến ngày lập báo cáo tài chính này. Hội đồng quản trị chưa công bố việc chia cổ tức



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Viêt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

f. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	8.254.374.660	8.254.374.660
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-
17- CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	604	1.441
- Thiết bị, phụ kiện (kiện)	-	-
- Thép các loại (cuộn, tấm)	604	1.441
- Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp (số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất)		
c. Ngoại tệ các loại	185,15	198,35
- USD	185,15	198,35

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

01- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CCDV	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu	37.922.371.215	42.429.894.287
- Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	37.922.371.215	42.429.894.287
- Doanh thu khác	-	-
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
Cộng	37.922.371.215	42.429.894.287

02- GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	21.379.071.940	22.674.864.434
Cộng	21.379.071.940	22.674.864.434

03- DOANH THU TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.628.461.105	2.867.217.966
Cộng	2.628.461.105	2.867.217.966

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Viêt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

04- CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1.536.531.226	1.310.359.137
- Chi phí vật liệu quản lý	63.069.094	4.341.273
- Chi phí đồ dùng văn phòng	23.954.735	16.573.616
- Chi phí khấu hao TSCĐ	287.345.280	289.771.948
- Thuế, phí và lệ phí	293.309.873	203.568.579
- Chi phí dự phòng	81.400.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	778.196.851	696.310.359
- Chi phí bằng tiền khác	162.101.677	274.301.970
Cộng	3.225.908.736	2.795.226.882

05- THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	105.750.000	288.890.789
Cộng	105.750.000	288.890.789

06- CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	116.325.000	256.103.660
Cộng	116.325.000	256.103.660

07- CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.189.269	436.572.476
- Chi phí nhân công	7.201.610.964	7.248.938.350
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.033.953.773	2.057.314.077
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.023.829.594	11.459.146.873
- Chi phí bằng tiền khác	7.181.932.797	2.023.707.222
Cộng	25.488.516.396	23.225.678.998

08- CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.935.276.644	19.859.808.066
- Các khoản điều chỉnh tăng giảm hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		124.078.901
+ Các khoản điều chỉnh tăng	260.515.062	124.078.901

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Viêt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

+ Các khoản điều chỉnh giảm		-
- Tổng thu nhập chịu thuế	16.195.791.706	19.983.886.967
+ Thu nhập được miễn thuế		-
+ Các khoản lỗ được kết chuyển		-
- Tổng thu nhập tính thuế	16.195.791.706	19.983.886.967
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.283.041.743	3.996.777.393
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.239.158.341	3.996.777.393
- Trong đó số thuế không được giảm	52.103.012	
+ Giảm 30% thuế TNDN năm 2020	(956.116.599)	
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.652.234.901	15.863.030.673

09- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.652.234.901	15.863.030.673
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.744.257	2.744.257
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.975	5.780

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty không có các dịch không bằng tiền hoặc các giao dịch khác ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 19 - 21 - 23 Phạm Việt Chánh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

VIII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01- THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Ban Tổng giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Cổ đông lớn và người công bố thông tin

Mối quan hệ

Ban điều hành và các pháp nhân, cá nhân có liên quan

Các khoản phát sinh với bên liên quan

Ban Tổng giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin

Nội dung

Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp

Số tiền

773.448.000

Các giao dịch phát sinh lớn

Thu tiền cho vay mượn từ năm trước

34.000.000.000

Thu tiền lãi

1.332.882.088

02- THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Kinh doanh cảng,kho bãi		Kinh doanh vận tải, cho thuê VP	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu thuần bán hàng	34.170.542.503	29.785.862.404	3.751.828.712	12.644.031.883
Giá vốn hàng bán	18.062.527.247	13.475.445.680	3.316.544.693	9.199.418.754

03- THÔNG TIN VỀ Ý KIẾN NGOẠI TRỪ NĂM TRƯỚC

Ý kiến ngoại trừ năm 2019

Năm 2017 Công ty đã tiến hành tắt toán nợ gốc khoản vay 200.000 USD với Công ty Yuan Cheng Holdings Pte.Ltd, tuy nhiên khoản lãi vay phải trả hiện tại các bên liên quan vẫn đang trong quá trình thương lượng xử lý. Đến ngày 31/12/2019, Công ty ghi nhận chi phí lãi vay phải trả số tiền là 1.888.266.400 đồng - ngoài ra khoản tạm chi 1.760.966.690 đồng được theo dõi như khoản phải thu khác - Khi có quyết định chính thức của các bên liên quan, những chênh lệch phát sinh (nếu có) của các khoản mục trên sẽ được điều chỉnh lại vào niên độ sau.

Theo Mục 3 Điều 35 của Điều lệ Công ty thì Công ty không được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh đối với pháp nhân mà có liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Kiểm soát... trừ trường hợp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tại Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông số 92/BBH-DHCD ngày 05/7/2019, các cổ đông vẫn chưa đồng thuận về nội dung khoản cho vay 34 tỷ.

Ý kiến ngoại trừ năm 2019 đã được xem xét đến ý kiến kiểm toán năm 2020

Năm 2017 Công ty đã tiến hành tất toán nợ gốc vay 200.000 USD với Công ty Yuan Cheng Holdings Pte.Ltd như ý kiến của báo cáo kiểm toán năm 2019 đã nêu. Tuy nhiên việc thanh toán mới thực hiện trả phần gốc khoản vay, các khoản phát sinh lãi tiền vay liên quan đang trong quá trình xem xét thông qua Tòa Án, việc Công ty trích vào chi phí từ các năm trước khoản lãi vay phải trả là theo ước tính, nếu xảy ra phải trả thì Công ty sẽ không xảy ra phát sinh đột biến về chi phí và Công ty đã có nguồn sẵn sàng chi trả. Mặt khác, nếu kết luận của Tòa Án mà Công ty không phải trả thì khoản này sẽ được hạch toán lại vào thu nhập và thực hiện về thuế theo quy định của pháp luật, số dư khoản tiền lãi trích trước là: 1.888.266.000 đồng đến ngày 31/12/2020 đang hạch toán và theo dõi trên TK 335 "chi phí trích trước". Đối với khoản tiền 1.760.966.690 đồng là tiền tạm ứng án phí cho Tòa Án theo thông báo của Tòa Án, khoản này đang theo dõi và hạch toán trên TK 1388 "phải thu khác" và chờ kết quả giải quyết của cơ quan Tòa Án. Như vậy trên báo cáo kiểm toán năm 2020 không thực hiện nêu lại ý kiến ngoại trừ.

Đối với ý kiến về số dư khoản tiền Công ty cho các đối tượng là các bên liên quan vay, trong năm 2020 Công ty đã thực hiện đáo hạn và thu hồi toàn bộ số tiền 34 tỷ đồng, đến ngày 31/12/2020 đã thu lại toàn bộ. Số tiền trên đang được Công ty sử dụng và theo dõi trên tài khoản của Công ty. Nội dung ý kiến ngoại trừ của báo cáo kiểm toán năm 2020 cũng không nêu lại ý kiến ngoại trừ khoản mục này.

04- THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Long

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nguyên



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:

1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp quy, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:

1. AUDITING SERVICES:

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

2. ACCOUNTING SERVICES:

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

3. CONSULTANCY SERVICES:

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.